

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

QUYỂN 8

Phần thứ 8: TÂM HỌC TĂNG THƯỢNG

Luận nói: “Như vậy đã nói giới tăng thượng thù thắng, tâm tăng thượng thù thắng làm sao thấy được? Phải biết lược do sáu thứ sai biệt: 1. Do đối tượng duyên sai biệt. 2. Do chủng chủng loại sai biệt. 3. Do đối trị sai biệt. 4. Do gắng nhận sai biệt. 5. Do dẫn phát sai biệt. 6. Do tác nghiệp sai biệt”.

Giải thích: Như giới tăng thượng đã khác với Thanh-văn thì tâm tăng thượng đó cũng phải có khác, do vậy mà đặt câu hỏi này, sáu thứ sai biệt là lược đáp câu hỏi, giải thích như sau.

Luận nói: “Đối tượng duyên sai biệt, là dùng pháp Đại thừa làm đối tượng duyên”.

Giải thích: Pháp Đại thừa, là cả thầy giáo pháp thậm thâm quảng đại trong tạng Bồ-tát, quyết định không phải chỗ có thể duyên đến của Thanh-văn, Độc giác, nên là thù thắng.

Luận nói: “Chủng loại sai biệt, là các Tam-ma-địa của Đại thừa như quang minh, tập phước, định vương, hiền thủ, kiện hành... vì chủng loại vô lượng”.

Giải thích: Chỗ đặc các Tam-ma-địa của các Bồ-tát là khác nhau vô lượng, trong đây lược nói các Tam-ma-địa đứng đầu, so với Thanh-văn thừa Độc giác thừa khác cũng chưa nghe tên, huống chi có thể đắc.

Luận nói: “Đối trị sai biệt, là trí duyên nơi tổng tướng của hết thầy pháp dùng đạo lý đóng nêm, rút nêm để xua trừ tất cả thô trọng trong thức A-lại-da”.

Giải thích: Chỗ duyên chân như của Trí vô phân biệt là chỗ hiển cộng tướng của tất cả pháp, nên nói trí này là duyên nơi tổng tướng. Định có thể phát khởi trí ấy có thể đối trị, cũng gọi là đối trị, Thánh đạo vi diệu giống như cái nêm nhỏ, tánh của chủng tử thô trọng nơi chỗ cần

đối trị như cái nệm to.

Luận nói: “Kham năng sai biệt, là trụ lạc tính lự, tùy theo chỗ muốn của nó mà thọ sinh”.

Giải thích: Do tính lự này tánh của nó điều thuận có chỗ gắng nhận lãnh, tùy chỗ muốn tạo lợi ích cho các hữu tình, không thối chuyển tính lự mà trụ thọ sinh, trong Thanh-văn thừa không có sự như vậy, nên là thù thắng.

Luận nói: “Dẫn phát sai biệt, là có thể dẫn phát thần thông vô ngại của tất cả thế giới”.

Giải thích: Do định lực này mà dẫn phát vô số loại thần thông vô ngại của tất cả thế giới .

Luận nói: “Tác nghiệp sai biệt, là có thể làm chấn động, rục rạc, đầy khắp, hiển thị chuyển biến, vắng lai, thâm mở, tất cả sắc tượng đều nhập trong đó, chỗ đi đến đồng loại hoặc hiển hoặc ẩn, chỗ tạo tác tự tại hàng phục thần thông của người khác. Thí biện, niệm lạc, phóng đại quang minh, dẫn phát đại thần thông như vậy”.

Giải thích: Do định lực này dẫn phát tạo tác vô số thần thông. Hiển, là hiển hiện. Ẩn, là ẩn tàng. Tạo tác tự tại, là biến ma vương thành thân Phật. Hàng phục thần thông của người khác, là có thể ngăn đoạn sức thần thông của người khác. Vì người không có biện tài nên nêu bày về biện tài. Vì người không có niệm lạc nên nêu bày về niệm lạc, vì chiêu tập Bồ-tát trụ phương xa khác nên phóng đại quang minh. “Dẫn phát đại thần thông như vậy,” là dẫn chỗ nói vô số thần thông ở trước, các loại như vậy Thanh-văn, Độc giác đều không có, nên là thù thắng.

Luận nói: “Lại nữa, có thể dẫn phát thâm tóm các khó làm, là mười nan hành. Đó là: 1. Nan hành tự thệ, là thệ nguyện thọ Bồ-đề Vô thượng. 2. Nan hành bất thối, là các khổ sinh tử không thể làm thối chuyển. 3. Nan hành bất bội, là tất cả hữu tình tuy hành tà hạnh nhưng không buông bỏ họ. 4. Nan hành hiện tiền là chỗ hiện làm mọi sự lợi ích đối với hữu tình thù oán. 5. Nan hành bất nhiễm. Là sinh tại thế gian mà không bị thế pháp làm nhiễm ô. 6. Nan hành thắng giải, Đại thừa tuy chưa hiểu rõ, nhưng đối với tất cả Đại thừa đều sinh tín giải thậm thâm quảng đại. 7. Nan hành thông đạt, là đủ chủ thể thông đạt pháp Bồ-đặc-già-la vô ngã. 8. Nan hành tùygiác, là đối với chỗ thuyết ngôn từ bí mật sâu xa của các Như Lai có thể theo đó mà giác ngộ. 9. Nan hành bất ly bất nhiễm, là không bỏ sinh tử nhưng không nhiễm. 10. Nan hành gia hạnh, là có thể tu an trụ giải thoát của chư Phật, tất cả chướng

ngại cùng tận biên vực sinh tử không khởi công dụng, thường khởi tất cả hành nghĩa lợi của tất cả hữu tình”.

Giải thích: Như nói Bồ-tát tu các nan hành, chỗ hiển tất cả nan hành có mười thứ. “1. Nan hành tự thệ: Là thệ nguyện thọ nhận nguyện đạt Bồ-đề Vô thượng”, là không chú tâm đến niềm vui riêng mình, thệ nguyện thọ nhận tạo lợi ích tất cả hữu tình, rất khó. “Nan hành bất thối: Là sinh tử các khổ không thể làm thối chuyển”, là ở lâu trong sinh tử. Các thứ khổ về bệnh tật... nó không thể làm thối chuyển, rất khó. “Nan hành bất bội: Là tất cả hữu tình tuy hành tà hạnh nhưng ta không buông bỏ họ”, là đối với cha mẹ, anh em... làm hạnh tà ác, hoặc ở không đùa giỡn cho vui mắt, hai chân giẫm đạp, không quán sát lỗi đó mà khởi tạo lợi ích, rất khó. “Nan hành hiện tiền, là chỗ hiện làm sự lợi ích đối với kẻ thù oán”, là tuy có thù oán nặng nhưng hiện là tạo lợi ích, rất khó. “Nan hành bất nhiễm, là sinh tại thế gian mà không bị thế pháp làm nhiễm ô” là thường ở trong thế gian mà tám pháp lợi suy... của thế gian không thể làm nhiễm ô, rất khó. “Nan hành thắng giải...” là đối với nghĩa thần lực vi diệu thù thắng tuy chưa hiểu rõ nhưng tín giải sâu xa, rất là khó. “Nan hành thông đạt...” là một nghĩa của đẳng giác thông đạt hiện quán có thể thông đạt đầy đủ, tất cả pháp của tánh Bồ-đặc-già-la Biện kế sở chấp đều là không có, rất khó. “Nan hành tùygiác...” là đối với chỗ thuyết giảng ngôn từ bí mật của Phật mà bỏ nghĩa theo chỗ nghe, giác ngộ nghĩa không nghe, rất khó. “Nan hành bất ly bất nhiễm...” là không bỏ sinh tử, không nhiễm lỗi sinh tử, rất khó. “Nan hành gia hạnh...” là đã đoạn và đã thoát tất cả phiền não chướng và sở tri chướng, hằng hiện tiền khởi làm tất cả sự lợi ích cho hữu tình, tận đời vị lai thường không ngơi nghỉ, vui thích tu hạnh này rất khó.

Luận nói: “Lại nữa, trong nan hành tùy giác, đối với chư Phật những gì là ngôn từ bí mật mà các Bồ-tát kia có thể giác ngộ? Là như trong kinh nói”.

Giải thích: Nan hành thứ tám, nghĩa của nó chưa rõ, nên phải giải thích lại.

Luận nói: “Thế nào là Bồ-tát có thể hành huệ thí? Nếu các Bồ-tát đã thí không ít, mà đối với mười phương vô lượng thế giới rộng làm huệ thí. Thế nào là Bồ-tát thích hành huệ thí? Nếu các Bồ-tát đối với tất cả thí đều không ưa muốn, các Bồ-tát sinh tín giải sâu trong huệ thí. Nếu các Bồ-tát không tin Như Lai mà hành bố thí, Bồ-tát khuyên cố gắng việc thí? Nếu Bồ-tát trong huệ thí không tự cố gắng, các Bồ-tát say mê với thí? Nếu Bồ-tát không tạm thời có ít chỗ thí, Bồ-tát thí quảng đại?”

Nếu các Bồ-tát trong huệ thí lìa tướng lưu tán, Bồ-tát thí thanh tịnh? Nếu các Bồ-tát diệt trừ tâm keo kiệt muốn đủ, các Bồ-tát thí cứu cánh? Nếu các Bồ-tát không trụ cứu cánh, Bồ-tát thí tự tại? Nếu Bồ-tát trong huệ thí không tự tại chuyển. Thế nào là Bồ-tát thí vô tận? Nếu các Bồ-tát không trụ vô tận. Như đối với bố thí, đối với giới thì đặt trước, đối với huệ thì đặt sau, tùy chỗ thích đáng của nó phải biết cũng như vậy”.

Giải thích: “Nếu các Bồ-tát đã thí không ít...”, là các Bồ-tát thấu tóm cả thủy hữu tình làm thể của mình, vì thông đạt tánh tự tha bình đẳng, nên khi Bồ-tát hành thí. Thí không ít gọi là giới hành thí. Lại nữa, lấy tất cả tài vật của mình thí cho tất cả hữu tình, nên gọi đó là “Đã thí không ít”. Lại nữa, vật thí, người thí và người nhận, đều không thể đắc ba luân thanh tịnh, nên gọi là đã thí không ít. “Nếu các Bồ-tát không ưa muốn tất cả thí”, thì đây đã là câu ngăn cản, là không ưa thích. Đối với người đến cầu thí cần cho ta cho trước cho ta cho, tất cả những thí này đều không ưa muốn, chỉ ưa thích duyên hợp an trụ nơi Niết-bàn mà hành huệ thí. “Nếu các Bồ-tát không tin Như Lai mà hành bố thí”, là chứng pháp tánh tự hiểu tự tin mà hành huệ thí, không phải chỉ tin nơi người khác. “Nếu Bồ-tát trong huệ thí không tự cố gắng”, là có khả năng tùy ý thường hành thí, không cần tự thúc đẩy mà có thể thúc đẩy khuyến khích người hành thí. “Nếu Bồ-tát không tạm thời có ít chỗ thí”, nghĩa là tất cả thời và tất cả thí. “Nếu các Bồ-tát trong huệ thí lìa tướng lưu tán”, chữ Bà-lạc hiển bày rõ về kiên thật có mật nghĩa là lưu tán, hiện tại lấy mật nghĩa là tướng lưu tán tức là Tam-ma-địa, nghĩa là tâm trụ định mà hành thí. “Nếu các Bồ-tát Ôn-ba-đà xan”, chữ Ôn-ba-đà là hiển bày sự sinh khởi, mật nghĩa bạt tức, hiện tại lấy mật nghĩa là dứt trừ tâm keo kiệt muốn đủ mà hành huệ thí. “Nếu các Bồ-tát không trụ cứu cánh”, không đồng với Thanh-văn hoàn toàn hưởng đến tịch diệt, an trụ nơi cứu cánh Niết-bàn vô dư. “Nếu Bồ-tát trong huệ thí không tự tại chuyển”, là khiến cho chỗ đối trị chướng của bố thí như keo kiệt... không tự tại chuyển. “Nếu các Bồ-tát không trụ vô tận”, là đắc quả Phật cứu cánh viên mãn tăng thượng vô tận mà không an trụ. Cái gì là khởi biến hóa làm lợi ích cho người khác, thường hành huệ thí? Như đối với bố thí, đối với giới” cho đến “Phải biết cũng như vậy”, là chung loại với năm loại khác. Như kinh nói: “Thế nào là Bồ-tát có thể đủ Thi-la? Nếu các Bồ-tát không gìn giữ ít giới, vì thấy tánh bình đẳng của tự tha, tha gìn giữ tịnh giới tức là tự mình có đủ Thi-la”.

Luận nói: “Thế nào là có thể sát sinh? Nếu đoạn sự lưu chuyển sinh tử của chúng sinh. Thế nào là không cho mà lấy? Nếu các hữu tình

không có người cho mà tự nhiên thu lấy. Thế nào là Tà hạnh dục? Nếu đối với các dục biết rõ là tà thì tu chánh hạnh. Thế nào là hay vọng ngữ? Nếu trong vọng hay nói là vọng. Thế nào là Cự-thú-ni (ly gián ngữ)? Nếu thường ở trong không tối thắng mà trụ. Thế nào là ba-lỗ-sư (thô ác ngữ)? Nếu khéo an trụ nơi chỗ nhận biết về bờ giác. Thế nào là ý gián ngữ? Nếu chánh thức thuyết pháp, phẩm loại sai biệt. Thế nào là có thể tham dục? Nếu có niệm niệm muốn tự chứng đắc tính lự Vô thượng. Thế nào là có thể sân hận? Nếu trong tâm có thể chính thức ghét hại tất cả phiền não. Thế nào là có thể tà kiến? Nếu tất cả xứ hành khắp tánh tà đều thấy như thật”.

Giải thích: Như trong kinh nói: “Này các bí-sô! Ta là người hay sát sinh”. Ở đây hiển ý nghĩa sâu xa của sự nói kia. “Nếu đoạn nẻo lưu chuyển sinh tử của chúng sinh”, đoạn nghĩa là sát, cùng với câu hỏi tương ứng. “Không ai cho mà tự nhiên thu lấy”, nghĩa là không cầu tìm nơi người khác mà tự thu lấy lợi ích. “Nếu đối với các dục biết rõ là tà, tu chánh hạnh”, là thật như biết hoặc cảnh giới dục hoặc phân biệt dục chỉ là tà loạn. Như có tụng nói:

*Phật nói tham, sân, si,
Đều từ phân biệt khởi,
Tịnh, bất tịnh, điên đảo,
Đó cũng là duyên sinh.
Tịnh, bất tịnh, điên đảo,
Là do duyên mà có,
Tự tánh kia đều không,
Nên dục phi chân thật.*

“Nếu trong vọng hay nói là vọng”, nói vọng là vọng nên gọi là vọng ngữ. Như có tụng nói:

*Tất cả pháp hư vọng,
Thế tôn như thật nói,
Trong các pháp hư vọng,
Các hạnh rất hư vọng.*

“Nếu thường ở trong không tối thắng mà trụ” là y theo huấn thích văn từ đạo lý của thế gian để đáp chỗ câu hỏi Cự-thú-ni trên. Cự-thú-ni này là hiển bày về lời nói ly gián ngữ, mật ý là không thường thắng. Cự là nêu rõ nghĩa thắng, thú là nêu nghĩa không, ni biểu hiện nghĩa thường, hiện tại lấy mật nghĩa để hỏi đáp được tương ứng, hiển nghĩa thì không như thế. “Ba-lỗ-sư...”, nơi đạo lý huấn thích văn từ cũng như thế. Ba-lỗ-sư này, hiển bày về thô ác ngữ, mật ý là trụ nơi bờ giác, hiện

tại lấy mật nghĩa nên nói: “Nếu khéo an trụ chỗ nhận biết bờ giác”. Sự nhận biết ấy là Nhất thiết trí, Phật giỏi an trụ trong đó, gọi là Ba-lỗ-sư. “Nếu chánh thức thuyết pháp phẩm loại sai biệt” là giải thích về ý gián ngữ, nghĩa đó dễ hiểu. “Nếu có niệm niệm muốn tự chứng đắc tính lực Vô thượng” như đạo lý huấn thích văn từ trên, cả thấy tính lực trong thân của chư Phật gọi là Vô thượng. “Nếu trong tâm đó có thể ghét hại tất cả phiền não” đã diệt, đã đoạn là nghĩa ghét hại. “Nếu tất cả xứ hành khắp tánh tà đều thấy như thật”, là thấy tất cả phân biệt hư vọng tà loạn làm tánh.

Luận nói: “Pháp Phật thậm thâm. Thế nào gọi là pháp Phật thậm thâm? Trong đây phải giải thích pháp thường trụ là pháp của chư Phật, vì pháp thân của chư Phật là thường trụ. Lại nữa, pháp đoạn diệt là của chư Phật, vì tất cả chướng vĩnh viễn đoạn diệt. Lại nữa, pháp sinh khởi là pháp của chư Phật, vì lấy thân biến hóa để hiện sinh khởi. Lại nữa, pháp có sở đắc là pháp của chư Phật, vì hạnh của tám vạn bốn ngàn hành của hữu tình và đối trị hạnh kia đều là khả đắc. Lại nữa, pháp có tham là pháp của chư Phật, vì tự thệ nguyện thâu nhận hữu tình có tham làm thể của mình. Lại nữa, pháp hữu sân là pháp của chư Phật, pháp hữu si là pháp của chư Phật, pháp dị sinh là pháp của chư Phật, phải biết cũng như thế. Lại nữa, pháp không nhiễm là pháp của chư Phật, vì thành mãn chân như, tất cả cấu uế chướng ngại không thể nhiễm. Lại nữa, pháp không ô là pháp của chư Phật, vì sinh tại thế gian mà các pháp thế gian không thể nhiễm ô. Do đó gọi là pháp Phật thậm thâm”.

Giải thích: Pháp Phật thậm thâm mà kệ kinh đã nói, nghĩa nó là gì? Các kinh khác nói: “Hoặc pháp thường trụ là pháp Phật”, nói rộng cho đến “Lại nữa, pháp không ô là pháp của chư Phật”. Mật ý trong đây bây giờ sẽ hiển thị. “Vì pháp thân của chư Phật là thường trụ”, pháp thân tức là chuyển y làm tướng, lia tất cả chướng, vì chân như thường trụ không biến đổi, hoặc vô cấu uế không có ngăn ngại nơi diệu trí Vô thượng, như cõi Vô sắc mà không phải dị thực, vì là vô lậu, đây cũng là chỗ gồm thâu của pháp thân thường trụ, vì không có sai biệt, không phải do nghiệp phiền não tạo ra. “Vì tám vạn bốn ngàn hành của hữu tình và đối trị hạnh kia đều là khả đắc”, tám vạn bốn ngàn pháp uẩn có thể trị các phần hành của hữu tình có tham, có sân, có si. Bốn thứ, mỗi thứ đều có hai vạn một ngàn. “Lại nữa, pháp không nhiễm là pháp của chư Phật”, vì hết thấy chướng cấu không thể nhiễm chân như thiện tịnh. Các nghĩa khác dễ hiểu, không cần giải thích. Phật nói ngôn từ bí mật như vậy, lại có kết quả gì? Là khiến cho người nói có thể dễ an lập

nghĩa tổng quát do đó dễ vì người khác mà nói, tức là nhân này, có thể khiến cho người nghe dễ thọ trì, dễ đầy đủ tư lương. Thọ trì giáo, dễ đạt pháp tánh, tư lương đầy đủ, đặc chứng tịnh của Phật, đặc đại ngã. Pháp và tăng cũng như thế, là tối thắng. Do đây chứng đặc hiện pháp lạc trụ, hiểu biết pháp lạc kia, nên đối với luận nghĩa trước của bậc trí chọn lựa nhập vào niệm thông tuệ, vì mười lợi này nói lời bí mật. Trong Thanh-văn thừa cũng nói ngôn từ mật ý như “Sát hại đối với phụ mẫu...”, mười lợi cũng như thế.

Luận nói: “Lại nữa, có thể dẫn phát tu Ba-la-mật, thành thực hữu tình, làm tịnh cõi Phật, pháp của chư Phật phải biết cũng là đẳng trì nơi tác nghiệp sai biệt của Bồ-tát”.

Giải thích: Tam-ma-địa mà Bồ-tát đắc, lại có bốn thứ tác nghiệp sai biệt, là nương vào định này có thể tu tất cả Ba-la-mật-đa, thành thực tất cả các loài hữu tình, phát sinh thần thông phương tiện, dẫn khiến nhập chánh pháp, có thể làm tịnh cõi Phật, tùy ý muốn có thể trở thành các bảo vật như kim, ngân..., có thể chánh thức tu tập tất cả pháp Phật mười lực, bốn vô úy... đều không phải lìa chỗ thuyết đẳng trì như vậy, có thể tu tập xong Ba-la-mật... bốn thứ tác nghiệp như Thanh-văn, Độc giác.

Phần thứ 9: TĂNG THƯỢNG HUỆ HỌC

Luận nói: “Như vậy, đã nói tâm tăng thượng thù thắng, huệ tăng thượng thù thắng làm sao thấy được? Là Trí vô phân biệt, hoặc tự tánh, hoặc chỗ dựa, hoặc nhân duyên, hoặc đối tượng duyên, hoặc hành tướng, hoặc nhận giữ, hoặc trợ bạn, hoặc ảnh tượng, hoặc đẳng lưu, hoặc xuất ly, hoặc đến cứu cánh, hoặc gia hạnh không phân biệt hậu đắc thắng lợi, hoặc sai biệt, hoặc không phân biệt hậu đắc thí dụ, hoặc tác sự không công dụng, hoặc trí thậm thâm nên biết vô phân biệt, gọi là huệ tăng thượng thù thắng”.

Giải thích: Tâm đã ở tại định thì giỏi biết như thật, đẳng trì vô gián gọi là huệ học tăng thượng, không như thế sao? Thâu tóm lấy sự sáng tỏ của nó gọi là học, huệ và học phải không khác nhau, nếu như vậy thì nương vào đồng xứ mà giải thích. Nghĩa là huệ tăng thượng tức là sự học của nó. Nếu như thế thì trong đây không có nghĩa dựa, là dựa vào huệ khác mà khởi học, nên gọi là huệ học tăng thượng, như hai học trước là nương vào giới mà học, nương vào định mà học, không phải đối với trong đây nương vào huệ mà học. Huệ là học, phải nói như vậy: “Gia hạnh huệ của nó nương vào căn bản học, căn bản huệ của nó nương vào hậu đắc học, hậu đắc huệ của nó thì nương vào hai vô gián mà khởi tu học”. Những gì gọi là huệ học tăng thượng? Là Trí vô phân biệt, hiện tại trong đây là tự tánh đầu tiên, thậm thâm tối hậu, rộng giải thích trí này.

Luận nói: “Trí vô phân biệt trong đây là năm thứ tướng lấy làm tự tánh: 1. Là không tác ý. 2. Là lỗi địa có tầm có từ. 3. Là tướng thọ diệt tịch tĩnh. 4. Là tự tánh sắc. 5. Là chân nghĩa lường tính khác. Là năm tướng này, phải biết đó gọi là vô phân biệt trí”.

Giải thích: Nương vào tự tánh của trí mà nói là năm tướng, do môn giá thuyết mà nói thể tướng của trí, vì môn biểu thuyết thì bất khả thuyết nên khiến trừ môn phân biệt. Trí vô phân biệt thì tướng của nó khá rõ. Nếu khác với trí này thì phải có phân biệt. Những gì là phân biệt? Sau sẽ nói rộng, không tác ý... nếu không tác ý là Trí vô phân biệt, thì ngủ mê, say rượu... không có sự tác ý đáng lẽ thành Trí vô phân biệt! Nhưng không nên thừa nhận do là công dụng nên đặc không điên đảo. Nếu lỗi địa tầm từ là Trí vô phân biệt, thì các địa của đệ hai tính lự trở lên, tất cả dị sinh và Thanh-văn, Độc giác đáng lẽ thành Trí vô phân biệt, nhưng các loại đó đều không có Trí vô phân biệt. Nếu tướng thọ diệt là Trí vô phân biệt, thì thể tướng của trí này khó có thể thành lập

trong vô tướng... vì lìa tâm thì không có các tâm pháp. Do ý thức diệt mà nói đó là vô tâm, như trước đã nói. Nếu như sắc của nó là Trí vô phân biệt, thì đáng lẽ không được thành Trí vô phân biệt, ví như chỗ tạo sắc của đại chủng. Nếu đối với chân nghĩa nơi lường tính dị tướng là Trí vô phân biệt, thì trí này không thành tánh vô phân biệt, vì đối với chân nghĩa lường tính dị tướng, nói đây là chân, là vô phân biệt, là hữu phân biệt.

Luận nói: “Trong thành lập tướng của điều nói Trí vô phân biệt này lại nói nhiều bài tụng”.

Giải thích: Nương vào chỗ nói Trí vô phân biệt ở trước, sơ lược thành lập tướng, rộng nói nhiều bài tụng, thứ tự hiển riêng, để hiển tự tánh nên nói tụng thứ nhất.

Luận nói:

*“Tự tánh của Bồ-tát,
Xa lìa năm thứ tướng,
Là Trí vô phân biệt,
Không dị chấp nơi chân”.*

Giải thích: Trong bài tụng này, ba câu đầu là ngăn cản năm thứ tướng, là phương tiện hiển thị Trí vô phân biệt, câu sau cùng là chánh thuyết về tự tánh. “Không dị chấp nơi chân”, là đối với chân nghĩa không có kế chấp khác làm tự tánh, nghĩa của tự tánh tự thể không khác nhau, như nói vòng kim xuyên đeo tay thì vàng làm tự thể. Bài tụng tiếp theo là nói chỗ dựa của trí.

Luận nói:

*Chỗ dựa của Bồ-tát,
Phi tâm mà là tâm,
Là Trí vô phân biệt,
Không phải nghĩa loại tư.*

Giải thích: Trí là tâm pháp nên phải nương vào tâm, dựa vào tâm mà không có phân biệt thì không đúng đạo lý. Tiếng gọi tâm tức là tướng của suy nghĩ. Nếu nương vào phi tâm ví như nhiều sắc thì không được thành trí, để giải thích lỗi kết song song như vậy nên nói nửa bài tụng sau. “Không phải nghĩa loại tư”, là chỗ dựa của Trí vô phân biệt không phải tâm, vì không phải nghĩa là tư, cũng không phải phi tâm vì làm chỗ chủng loại tâm nương dựa. Lấy tâm làm nhân, uy lực luyện tập quen mà dẫn dắt vị này gọi là tâm chủng loại. Đây là chỉ rõ tâm là chỗ dựa của trí, vượt ra khỏi tất cả tư lương phân biệt. Tiếp theo có một bài tụng hiển nhân duyên của trí.

Luận nói:

*Nhân duyên của Bồ-tát,
Hữu ngôn văn huân tập,
Là Trí vô phân biệt,
Và tác ý như lý.*

Giải thích: Nghĩa nhân duyên và nghĩa chủ thể tác nhân duyên là một. “Có lời nghe huân tập”, là có Đại thừa ngôn âm đối với người khác nên gọi là có lời. Văn, là nghe, tức là ngôn âm kia không phải ngôn âm nào khác, do chỗ dẫn công năng sai biệt gọi là huân tập. “Và tác ý như lý”, là tác ý này làm nhân sinh ý ngôn, tác ý như lý là thuận theo lý mà thanh tịnh nên gọi là như lý, vì có trí thì phải có cảnh. Tiếp theo một bài tụng nói đối tượng duyên của trí.

Luận nói:

*Sở duyên của Bồ-tát,
Pháp tánh không thể nói,
Là Trí vô phân biệt,
Tánh vô ngã chân như.*

Giải thích: “Pháp tánh không thể nói” là có thể nói pháp tánh vô tánh, là lia nghĩa khả ngôn nơi tánh của tự tánh Biến kế sở chấp. Tánh vô ngã chân như”, là làm thành nghĩa này khiến cho tánh của nó sáng tỏ, tức là chỗ hiển chân như của tất cả Bồ-đặc-già-la nơi các pháp vô tánh, giải thoát hai biên tăng ích và tổn giảm. Cảnh giới nơi đối tượng của Trí vô phân biệt, nếu có pháp của đối tượng duyên thì quyết định có hành tướng. Tiếp theo một bài tụng hiển hành tướng của trí.

Luận nói:

*Hành tướng của Bồ-tát,
Lại ở trong sở duyên,
Là Trí vô phân biệt,
Sở tri kia vô tướng.*

Giải thích: Trong đối tượng duyên, tương tự mà hành nên gọi là hành tướng Trí vô phân biệt đối với cảnh chân như tương tự mà hành. Đối tượng nhận thức kia vô tướng”, là nói chỗ tạo tác hành tướng của trí này đối với cảnh chân như, ý này nói Trí vô phân biệt duyên cảnh chân như, là hành tướng tác ý của tất cả tướng lấy làm hành tướng. Tiếp theo nói hai bài tụng đối với đối tượng duyên và hành tướng của trí nói trên để giải thích nghi vấn chung.

Luận nói:

Nghĩa tự tánh tương ưng,

*Chỗ phân biệt phi dư,
 Chữ lần lượt tương ứng,
 Đó là nghĩa tương ứng.
 Không lia năng thuyên kia,
 Trí chuyển nơi sở thuyên,
 Không phải thuyên không đồng,
 Tất cả không thể nói.*

Giải thích: Nếu thật không có nghĩa của sự phân biệt, thì sự phân biệt nào nói là ngôn? “Nghĩa tự tánh tương ứng, chỗ phân biệt phi dư”, là các văn tự lần lượt tương ứng, tuyên xưng không dứt, các nghĩa biến kế duyên vào nghĩa này mà giả lập thành nghĩa biến kế làm chỗ phân biệt. Không có thật nghĩa nào khác làm chỗ phân biệt nên nói là “Phi dư”. Nếu không có văn tự tuyên xưng tương tục thì phân biệt không có. Thế nào là các pháp đều không thể nói? Để hiển bày lý này nên nói như vậy: “Không phải lia chủ thể nêu giảng trí kia đối với đối tượng được nêu giảng mà chuyển...”. Nếu thật có nghĩa có thể nói năng được, lia danh chủ thể nêu giảng thì đối với nghĩa kia đáng lẽ có tự ngôn trí khởi, không phải chưa hiểu rõ danh chủ thể nêu giảng ngôn mà có trí này khởi, nên là bất khả ngôn, hoặc là ngoài nghĩa tuy quyết định là thật có, nhưng phải chờ trí chủ thể nêu giảng và trí đối tượng được nêu giảng khởi. Vì ngăn cản nghĩa này nên nói như vậy: “Vì không phải thuyên bất đồng”, là khác nhau nên không phải thật chủ thể nêu giảng, vì danh chủ thể nêu giảng cùng với nghĩa của đối tượng được nêu giảng riêng tương mà nắm giữ. Tương của nó mỗi mỗi đều khác, làm thế nào mà được thành quyết định thật thuyên biểu? Tất cả là không thể nói. Do đạo lý này mà tất cả chủ thể nêu giảng và đối tượng được nêu giảng đều không thể nói, thì chỗ nào là nhậm trì của Trí vô phân biệt?

Luận nói:

*Gắng nhận của Bồ-tát,
 Là Trí vô phân biệt,
 Các hạnh hậu sở đắc,
 Làm tiến hướng tăng trưởng.*

Giải thích: “Các hạnh hậu sở đắc”, là chỗ đắc vô số các hạnh của Bồ-tát trong Trí vô phân biệt trí Hậu đắc. Các hạnh này đều lấy trí làm chỗ dựa. “Làm tiến hướng tăng trưởng” là làm tăng trưởng các hạnh của Bồ-tát. Đây là nói nhận giữ chỗ dùng có chủ yếu, vì không điên đảo nên có thể nhận giữ các hạnh. Ai làm trợ bạn của Trí vô phân biệt? Nếu chỉ có một thì không có chủ thể và đối tượng.

Luận nói:

*Trợ bạn của Bồ-tát,
Nói là hai thứ đạo,
Là Trí vô phân biệt,
Năm Ba-la-mật giác tánh.*

Giải thích: Hai thứ đạo: 1. Đạo tư lương. 2. Đạo y chỉ. Năm Ba-la-mật lấy làm tự tánh. Trong đây bốn Ba-la-mật-đa trước là đạo tư lương, thứ năm là tính lự Ba-la-mật-đa thuộc đạo y chỉ. Nếu trụ tâm định thì trước đã nói các thiện của bốn thứ Ba-la-mật-đa giúp trợ liền có thể sinh trưởng Trí vô phân biệt. Trí này gọi là huệ Ba-la-mật-đa, từ khi chưa đắc quả Phật đến nay, Trí vô phân biệt ở nơi đâu mà chiêu cảm quả dị thực?

Luận nói:

*Dị thực của Bồ-tát,
Trong hai hội của Phật,
Là Trí vô phân biệt,
Do gia hạnh chứng đắc.*

Giải thích: “Trong hai hội”, là trong hội của hai thân biến hóa và thọ dụng của chư Phật. “Do gia hạnh chứng đắc”, là hiển có thể chiêu cảm nghĩa của quả dị thực. Đây không phải là nhân dị thực vì có thể đối trị quả dị thực kia, tức là quả tăng thượng giả danh dị thực. Do đây trợ giúp huân tập các nghiệp hữu lậu khác khiến chiêu cảm dị thực nên lập tên này. Nếu khi tu gia hạnh vô phân biệt, thì sinh trong chúng hội chỗ hiện thân biến hóa của chư Phật. Nếu lúc đó chứng đắc Trí vô phân biệt thì liền sinh trong chúng hội chỗ hiện thân thọ dụng của chư Phật. Cái gì là đẳng lưu của Trí vô phân biệt?

Luận nói:

*Đẳng lưu của Bồ-tát,
Trong các đời sau này,
Là Trí vô phân biệt,
Tự thể chuyển tăng thắng.*

Giải thích: Trí vô phân biệt trong các đời về trước, nơi sinh của các đời về sau lần lượt tăng thắng. Đẳng lưu quả đó, Trí vô phân biệt xuất ly như thế nào?

Luận nói:

*Xuất ly của Bồ-tát,
Đắc thành biện tương ưng,
Là Trí vô phân biệt,*

Phải biết nơi Thập địa”.

Giải thích: Địa Cực hỷ thứ nhất khi nhập kiến đạo, thấy tất cả địa là lý vô phân biệt, ban đầu được xuất ly, sau đó trong tu đạo mới đắc các địa thành tựu tương ứng Trí vô phân biệt. Cái gì là cứu cánh của Trí vô phân biệt?

Luận nói:

*Cứu cánh của Bồ-tát,
Đắc ba thân thanh tịnh,
Là Trí vô phân biệt,
Đắc tự tại tối thượng.*

Giải thích: Ba thân thanh tịnh, là trong sơ địa tuy đắc ba thân nhưng chưa thanh tịnh, đến đệ mười địa mới được thanh tịnh, gọi là cứu cánh, nên nói lúc đó đắc ba thân thanh tịnh. “Đắc tự tại tối thượng” là trong lúc đó Trí vô phân biệt không phải chỉ đắc ba thân thanh tịnh, mà cũng đắc mười thứ tự tại tối thượng, nên gọi là Trí vô phân biệt cứu cánh. Như thế nào, từ đâu và do đâu mà vô nhiễm?

Luận nói:

*Như hư không vô nhiễm,
Là Trí vô phân biệt,
Vô số cực trọng ác,
Do duy tín thắng giải.*

Giải thích: Câu hỏi thứ nhất là như thế nào mà đắc không nhiễm, đáp là như hư không vô nhiễm. Câu hỏi kế đó là từ đâu mà đắc không nhiễm, đáp là vô số cực trọng ác. Câu hỏi sau cùng là do đâu mà đắc không nhiễm, đáp là do duy tín giải, là chỉ do tín, do huệ thắng giải lấy làm nhân mà đắc không nhiễm.

Luận nói:

*Như hư không vô nhiễm,
Là Trí vô phân biệt,
Giải thoát tất cả chướng,
Đắc thành tựu tương ứng.*

Giải thích: “Giải thoát tất cả chướng”, là giải thoát phiền não chướng và đối tượng nhận thức chướng. “Đắc thành tựu tương ứng”, là tại sơ địa cùng với đắc tương ứng, cho đến Phật địa thì thành tựu tương ứng.

Luận nói:

*Như hư không vô nhiễm,
Là Trí vô phân biệt,*

*Thường hành nơi thế gian,
Không bị thế pháp nhiễm.*

Giải thích: “Thường hành nơi thế gian, không bị thế pháp nhiễm”, đây là hiển tám pháp lợi suy... của thế gian khắp xứ sinh và tất cả sinh xứ không nhiễm, như hoa sen hồng do xuất thế gian thâm gồm. Như vậy ba bài tụng hiển thị chỗ đắc thắng lợi của ba trí Gia hạnh, căn bản và hậu đắc.

Ba thứ Trí vô phân biệt, có gì sai biệt?

Luận nói:

*Nghĩa như cầm cầu thọ,
Nghĩa như cầm chánh thọ,
Nghĩa như phi cầm thọ,
Ba trí dụ như vậy.
Nghĩa như ngu cầu thọ,
Nghĩa như ngu chánh thọ,
Nghĩa như phi ngu thọ,
Ba trí dụ như vậy.
Nghĩa như năm cầu thọ,
Nghĩa như năm chánh thọ,
Nghĩa như Mạt-na thọ,
Ba trí dụ như vậy.
Như chưa hiểu luận này,
Cầu luận thọ nghĩa pháp,
Thứ lớp ví ba trí,
Phải biết các gia hạnh...*

Giải thích: Nhằm làm rõ hành tướng sai biệt của ba trí mà nói các thí dụ như vậy. “Nghĩa như cầm cầu thọ” là thí dụ như người cầm muốn cầu hưởng thọ các cảnh giới nhưng chưa thọ mà cũng không thể nói được. Như vậy nơi Trí vô phân biệt gia hạnh cầu chứng chân như mà chưa chứng được, phải biết tịch lặng vô ngôn cũng vậy. “Nghĩa như cầm chánh thọ” là ví như người cầm đang thọ cảnh giới mà không có chỗ nói năng. Như vậy nơi trí Căn bản vô phân biệt đang chứng chân như là các hý luận, phải biết cũng vậy. “Nghĩa như phi cầm thọ” ví như người không cầm hưởng thọ các cảnh giới cũng khởi ngôn thuyết. Như vậy hậu đắc nơi Trí vô phân biệt phản chiếu chân như hiện chứng cảnh giới có thể khởi lên ngôn giáo, phải biết cũng như thế. Theo đạo lý này có thể giải thích bài tụng nghĩa như ngu. “Nghĩa như năm cầu thọ” ví như năm thức cầu thọ cảnh giới, tuy có chỗ cầu nhưng không có phân

biệt. Như vậy gia hạnh với Trí vô phân biệt phải biết cũng vậy. “Nghĩa như năm chánh thọ” ví như năm thức đang thọ cảnh giới mà lia các phân biệt. Như vậy, trí Căn bản vô phân biệt phải biết cũng vậy. “Nghĩa như Mạt-na thọ” ví như ý thức có thể thọ cảnh giới cũng có thể phân biệt, như vậy hậu đắc với Trí vô phân biệt, phải biết cũng vậy. “Như chưa hiểu luận này, cầu luận thọ nghĩa pháp” ví như người chưa hiểu luận, cầu đọc tụng luận mà chưa đọc tụng được, như vậy gia hạnh nơi Trí vô phân biệt phải biết cũng như thế, như ôn tập luận, hiểu nghĩa văn tự. Như vậy căn bản Trí vô phân biệt phải biết cũng vậy, như đã nghe quen rồi thì thông đạt nghĩa pháp, như vậy hậu đắc nơi Trí vô phân biệt phải biết cũng vậy. Do những thí dụ như thế, như số thứ tự mà thí dụ về ba trí sai biệt của các gia hạnh. Tiếp theo thí dụ sai biệt của trí Căn bản và trí Hậu đắc.

Luận nói:

*Như người đang nhắm mắt,
Là Trí vô phân biệt,
Người kia lại mở mắt,
Trí hậu đắc cũng vậy.
Phải biết như hư không,
Là Trí vô phân biệt,
Trong đó hiện sắc tượng,
Trí hậu đắc cũng vậy.*

Giải thích: Hai bài tụng này chỉ rõ sự sai biệt của Căn bản và Hậu đắc. Nhắm mắt, mở mắt, hư không và sắc tượng, đồng thời hiển hai trí là vô phân biệt, là bình đẳng và là bất bình đẳng, vì trí Gia hạnh của nó chưa có sự chứng nên lược bớt không nói. Lại nữa, trí Gia hạnh là nhân của trí Căn bản, trí Hậu đắc của nó là quả của bản trí. Do đó lại đủ Trí vô phân biệt thành tựu chỗ tạo tác. Trí vô phân biệt tu thành quả Phật. Đã không có phân biệt, thì làm sao có thể làm sự lợi hữu tình?

Luận nói:

*Như mạt-ni thiên nhạc,
Vô tư thành tự sự,
Vô số Phật sự thành,
Thường lia tư cũng vậy.*

Giải thích: Nay trong tụng này, dẫn hai thí dụ mạt-ni và thiên nhạc để thành lập chỗ đắc Trí vô phân biệt, tuy không có phân biệt, không khởi công dụng nhưng thành tựu vô số, cũng như châu như ý và thiên nhạc tuy không có nghĩ như vậy “Ta sẽ phóng quang, ta sẽ phát ra

tiếng”, vì đều vô tư. Nhưng do sinh uy lực ý lạc phước nghiệp của hữu tình kia, không chờ kích tấu mà phóng các thứ ánh sáng, phát ra các thứ âm thanh. Trí vô phân biệt của chư Phật Bồ-tát, phải biết cũng vậy. Tuy li phân biệt và không khởi công dụng nhưng có thể tùy theo ý lạc phước lực mà hoá độ hữu tình kia mà hiện khởi các sự lợi lạc chuyển. Tiếp theo chỉ rõ cả thấy sự thâm thâm của Trí vô phân biệt. Cảnh giới của Trí vô phân biệt là thế nào? Là duyên phân biệt tánh Y tha khởi, hay là duyên cảnh tự thể khác cũng như thế? Là trí hay phi trí? Nếu như thế thì có lỗi gì? Nếu duyên phân biệt tánh Y tha khởi thì làm sao được thành Trí vô phân biệt? Nếu duyên cảnh khác, cảnh khác không có định, thì đối tượng duyên ở đâu? Nếu là trí thì phải có đối tượng nhận thức, nếu là phi trí thì làm sao được gọi là Trí vô phân biệt? Để li tất cả lỗi như vậy, nên nói tụng như sau.

Luận nói:

*Chẳng đây cũng chẳng khác,
Phi trí mà là trí,
Cùng với cảnh không khác,
Trí thành vô phân biệt.*

Giải thích: Trí vô phân biệt không duyên phân biệt tánh Y tha khởi. Vì không có phân biệt, không phải duyên phân biệt mà thành vô phân biệt, cũng không phải duyên chỗ khác để lấy làm cảnh giới, mà duyên pháp tánh phân biệt này làm cảnh giới. Pháp và pháp tánh, hoặc một hoặc khác đều không thể nói, nên trí này không thể quyết định nói duyên cảnh phân biệt hay cảnh phi phân biệt. Tự thể cũng vậy, không thể nói chắc là trí, như trí Gia hạnh và trí Hậu đắc không có phân biệt. Cũng không thể quyết chắc nói là phi trí, vì trí Gia hạnh làm nhân đầu tiên. “Cùng với cảnh không khác, trí thành vô phân biệt”, không thể phân riêng đây là chủ thể nhận thức, đây là đối tượng nhận thức, vì chủ thể giữ lấy và đối tượng được giữ lấy không có phân biệt. Trí này cùng với cảnh không có tướng sai biệt, ví như hư không và cả thấy ánh sáng trong hư không, nên trí này thành vô phân biệt. Trong kệ kinh khác nói tất cả pháp tánh không có phân biệt. Bây giờ sẽ giải thích.

Luận nói:

*Phải biết tất cả pháp,
Bản tánh không phân biệt,
Không có chỗ phân biệt
Không phân biệt, trí không.*

Giải thích: “Không có cái để phân biệt”, nên nghĩa Biến kế sở

chấp của cái để phân biệt vĩnh viễn không có. Trong khế kinh khác nói: “Tất cả pháp tánh không có phân biệt”. Nếu tất cả pháp xưa nay tự tánh không có phân biệt, thì tại sao tất cả loài phi hữu tình từ xưa đến nay không khởi công dụng tự nhiên giải thoát, vì loài phi hữu tình kia không có Trí vô phân biệt. Do hữu tình kia đối với tất cả pháp tánh vô phân biệt hiện chứng chân trí xưa nay chưa sinh, nên các Bồ-tát... đối với vô số tánh của tất cả pháp tánh vô phân biệt làm nhân, chứng trí rồi mới sinh. Do đạo lý này nên các Bồ-tát... có thể đắc giải thoát, không phải các hữu tình khác. Tiếp theo sẽ hiển thị trí Gia hạnh... mỗi mỗi đều có ba thứ và năm thứ sai biệt.

Luận nói: “Trong đây trí Gia hạnh vô phân biệt có ba thứ sai biệt, là nhân duyên, dẫn phát và sở tập (tập quen) nên sinh sai biệt”.

Giải thích: Trí gia hạnh sinh khởi sai biệt do ba thứ lực: 1. Lực nhân duyên. 2. Lực dẫn phát. 3. Lực sở tập. Lực nhân duyên là lực chủng tánh, hoặc có chủng tánh gặp duyên mạnh, nhanh chóng khởi gia hạnh. Như vậy chủng tánh của gia hạnh làm nhân mà được sinh khởi. Nói chủng tánh, là sáu xứ thù thắng từ vô thủy đến nay, công năng của pháp nhĩ đặc quả Phật. Lực dẫn phát là trong đời trước đã luyện tập làm nhân mà phát khởi gia hạnh. Lực sở tập lực là hiện tại niệm niệm tu tập, do lực sĩ dụng mà phát khởi gia hạnh.

Luận nói: “Trí căn bản vô phân biệt cũng có ba thứ sai biệt, là hỷ túc, vô điên đảo, và vô hý luận vô phân biệt”.

Giải thích: Hỷ túc vô phân biệt, là đối với nghĩa thấp kém mà sinh vui mừng cho là đủ rồi. Đối với thắng tấn sau đó không mong cầu gọi là vô phân biệt, như đắc hai trí văn tư của thế gian, đối với ít phần nghĩa hoặc đã tin hiểu, hoặc đã quyết định rõ ràng thì liền sinh hỷ túc; hoặc như đã đắc tu huệ thế gian chứng đệ nhất các phiền não thô chấm dứt, coi việc đó là giải thoát cứu cánh thì liền sinh hỷ túc. Các loại như vậy đều gọi là trí hỷ túc vô phân biệt. Vô điên đảo vô phân biệt là các Thánh đệ tử kia do tu huệ, đối với khổ... nơi bốn đế khởi bốn hạnh vô đảo như vô thường..., không khởi thường... Phân biệt điên đảo, gọi là trí vô điên đảo vô phân biệt. Vô hý luận vô phân biệt là các Bồ-tát đối với vô thường... cũng không phân biệt, cho đến Bồ-đề cũng lìa hý luận, do lý vô phân biệt nơi tất cả pháp thoát khỏi tất cả nẻo danh ngôn, vượt qua tất cả cảnh giới của thế trí, do đó hý luận gọi là tiếng nói thế tục, thuộc về trí thế tục. Xa lìa trí này nên gọi là trí vô phân biệt không hý luận.

Luận nói: “Trí hậu đắc vô phân biệt có năm thứ là: Thông đạt, tùy niệm, an lập, hoà hợp, như ý và xét chọn về sai biệt”.

Giải thích: Vì chỗ khởi riêng của nó, mà trí Hậu đắc này có năm thứ là thông đạt, tùy niệm..., tiếng xét chọn đều có trong mỗi thứ. Xét chọn thông đạt là đối với chân quyết định, đối với chân hiện quán nên gọi là thông đạt. Do trí Hậu đắc xét chọn chỗ đắc thông đạt như vậy, là do nó tự xét kỹ bên trong sự này như vậy, nên gọi là xét chọn thông đạt. Xét chọn tùy niệm là sau khi tùy niệm thông đạt, thì nghĩ: “Ta đã từng thông đạt sự này”, nên gọi là xét chọn tùy niệm. Xét chọn an lập là từ tùy niệm lưu xuất, như chỗ thông đạt thì vì kẻ khác mà nói, nên gọi là xét chọn an lập. Xét chọn hoà hợp là quán duyên tổng tướng tất cả pháp, do quán này mà tiến đến chuyển y, hoặc đã chuyển y rồi khởi lại quán này, nên gọi là xét chọn hoà hợp. Xét chọn như ý là trí hiện tiền tùy chỗ tư duy, tất cả đều như ý, như khiến cho đất biến thành vàng, nên gọi là xét chọn như ý. Tiếng xét chọn này, có ý muốn nói là trí ấy, trước đã nói bản tánh vô phân biệt của tất cả pháp, vì chỗ phân biệt không có. Làm sao biết được nghĩa của chỗ phân biệt thật ra là không có? Vì muốn thành lập cái không có kia nên nói nhiều bài tụng sau.

Luận nói:

*Quỷ, bàng sinh, nhân, thiên,
Mỗi tùy chỗ thích ứng,
Sự đồng nhưng tâm khác,
Nhận nghĩa không chân thật.
Đối với sự quá khứ,
Mộng tượng trong hai ảnh,
Tuy sở duyên không thật,
Mà cảnh tượng thành tựu.
Nếu nghĩa tánh nghĩa thành,
Không Trí vô phân biệt,
Nếu không có quả Phật,
Chứng đắc không đúng lý.
Bồ-tát đắc tự tại,
Do lực của thắng giải,
Như muốn các địa thành,
Người đắc định cũng vậy.
Người lựa chọn thành tựu,
Người có trí đắc định,
Tư duy tất cả pháp,
Như nghĩa đều hiển hiện.
Trí vô phân biệt hành,*

*Các nghĩa đều không hiện,
Phải biết không có nghĩa,
Do đây cũng vô thức”.*

Giải thích: “Quý, bàng sinh, nhân, thiên”, là đối với nhân loại thấy chỗ có nước thì ngạ quỷ thấy là lục địa cao nguyên, đối với nhân loại thấy nơi có phần uế, thì bàng sinh thấy là ẩm thực tịnh diệu, trong chỗ thấy vật bất tịnh của nhân loại thì ngạ quỷ, súc sinh thấy là thanh tịnh, chỗ thấy của nhân loại là ẩm thực tịnh diệu thì chư thiên thấy hôi dơ bất tịnh, không phải các sự trái nhau đồng tại một chỗ, nên nghĩa của Biến kế sở chấp không có. Nếu không có nghĩa, thì làm sao không cảnh thức được hiện hành? Tại sao chất vấn theo sư kinh Bộ của các ông? Các cảnh giới quá khứ và vị lai đều là không có thì làm sao trong đó được có trí chuyển? Lại nữa, các hình ảnh trong mộng hoàn toàn không có, thì làm sao trí khởi không phải trong chỗ nhỏ hẹp, mà tại một nơi dung chứa được chỗ duyên chân thật ảnh tượng sơn hà... của mộng trí. Lại nữa, chưa từng trải qua tự đoạn đứt đầu của mình thì làm sao mộng thấy nhớ thông được các sự việc trong đời trước? Lại nữa, trong mặt gương Tam-ma-địa, chỗ hiện hành của hai ảnh tượng không phải thật có, thì làm sao biết rõ được là tâm hiển hiện? Cho nên biết, ảnh tượng tự duyên nơi tâm “Mà cảnh tượng thành tựu”, là tổng kết các cảnh của quá khứ và vị lai, dù không phải thật có, nhưng mà cảnh tượng thành tựu trong tự tâm. “Nếu nghĩa tánh nghĩa thành, không Trí vô phân biệt” là nếu nghĩa tánh của các cảnh nghĩa là thành thật, thì Trí vô phân biệt đáng lẽ không được thành, vì có phân biệt. “Nếu không có quả Phật, chứng đắc không đúng lý”, là nếu trí thể vô phân biệt này không có, thì sự chứng đắc quả Phật là không đúng đạo lý, phải trở thành lỗi hại gốc, nên phải biết chỗ phân biệt nghĩa quyết định không phải thành thật. Lại nữa, cảnh nghĩa này quyết định không phải thật có. Tại sao vậy? “Bồ-tát đắc tự tại”, là các Bồ-tát đắc đại tự tại. “Do lực của thắng giải”, là do ý giải lực. “Như muốn các địa thành”, là muốn đất thành vàng. “Người đắc định cũng vậy”, trừ các Bồ-tát ra, là các Thanh-văn, Độc giác là người đắc tinh lực. “Người thành tựu chọn lựa”, là người huệ đã thành mãn. “Người có trí”, là người tương ứng với sự thành mãn chánh trí, nên Bồ-tát gọi là bậc có trí. “Đắc định” là đắc Tam-ma-địa. “Tư duy tất cả pháp” là chánh tư duy tất cả pháp đáng tán thán của khế kinh. “Như nghĩa đều hiển hiện” là lấy vô số hạnh vô ngã, như vậy như vậy tư duy các pháp của khế kinh, thì nghĩa của nó như vậy như vậy mà hiển hiện, nên phải biết ngay nơi tâm của tác ý như lý này tương tự tương

của đối tượng giữ lấy và tướng của chủ thể giữ lấy nơi nó hiển hiện, các nghĩa ngoài đều là không có gì. “Trí vô phân biệt hành, các nghĩa đều không hiện”, trong đây pháp tiếp theo chỗ nói trước thừa nhận nghĩa không phải lời nói chân thật, do Trí vô phân biệt của các Bồ-tát khi hiển hiện khởi hành thì tất cả nghĩa cảnh đều không hiển hiện, nên phải biết chỗ có nghĩa cảnh đều là không thật có. “Phải biết không có nghĩa, do đây cũng không thức”, là kết khuyên phải biết nếu không có nghĩa cảnh thì do đó chủ thể là thức cũng không có. Không phải không có sở thức mà có năng thức mới đúng đạo lý. Trong phần rộng giải thích tướng của đối tượng nhận thức đã biện luận phân tích đầy đủ đạo lý như vậy.

Luận nói: “Bát-nhã Ba-la-mật-đa cùng với Trí vô phân biệt không có sai biệt, như nói Bồ-tát an trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa, là phi xứ tương ứng thì có thể đối với Ba-la-mật-đa chỗ khác mà tu tập viên mãn. Thế nào là phi xứ tương ứng tu tập viên mãn? Là do xa lìa năm thứ xứ (lĩnh vực): 1. Xa lìa xứ ngoại đạo ngã chấp. 2. Xa lìa xứ Bồ-tát chưa thấy chân như phân biệt. 3. Xa lìa xứ hai biên sinh tử, Niết-bàn. 4. Xa lìa xứ chỉ đoạn phiền não chướng sinh hỷ tức. 5. Xa lìa xứ không lưu tâm đến lợi ích an lạc của hữu tình trụ nơi quả là niết bàn vô dư y”.

Giải thích: “Bát-nhã Ba-la-mật-đa cùng với Trí vô phân biệt không có sai biệt”, vì tánh chất bằng nhau, là hết thấy Trí vô phân biệt tức là Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Trong kinh đó nói như vậy: “Bồ-tát an trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa, là phi xứ tương ứng thì có thể đối với Ba-la-mật-đa khác mà tu tập viên mãn”. Nghĩa này là sao? Là do xa lìa năm thức xứ, tức là xa lìa xứ ngoại đạo ngã chấp... sai biệt, trong đây nơi ở được gọi là xứ. “Xa lìa xứ ngoại đạo ngã chấp” là các ngoại đạo an trụ trong ngã chấp, họ nghĩ như vậy: “Ta có thể biết rõ đây là huệ của ta”. Bồ-tát thì xa lìa các chỗ như vậy, không kể chấp ngã và ngã sở mà khởi Bát-nhã, Bồ-tát thì xa lìa các lĩnh vực như vậy, nên gọi là phi xứ tương ứng. “Xa lìa xứ Bồ-tát chưa thấy chân như mà phân biệt”, là các chúng Bồ-tát chưa thấy chân như, đối với Bát-nhã Ba-la-mật-đa của Bồ-tát thì Trí vô phân biệt khởi các phân biệt “Đây là Bát-nhã Ba-la-mật-đa”, Bồ-tát thì xa lìa các lĩnh vực như vậy, nên gọi là phi xứ tương ứng. Như có tụng nói:

*Nếu có cái thấy,
Là ông bị trói,
Nếu không cái thấy,
Liền đắc giải thoát.*

“Xa lìa xứ hai biên sinh tử Niết-bàn”, là như thế gian trụ biên sinh

tử, vì có ngã chấp, như Thánh đệ tử trụ biên Niết-bàn, vì đoạn phiền não. Bồ-tát thì không như thế, nên gọi là xa lìa xứ hai biên phi xứ tương ứng. “Xa lìa xứ chỉ đoạn phiền não chướng sinh hỷ túc”, là Thanh-văn, Độc giác kế chấp tu tập lực đoạn phiền não chướng, tức là tất cả mọi cái cần làm đã làm đủ. Bồ-tát thì xa lìa các lĩnh vực như vậy, vì chúng có thể chướng ngại lợi ích an lạc cho các hữu tình. Như có tụng nói:

*Không đến các cõi ác,
Cực chướng đại Bồ-đề,
Như trụ nơi Thanh-văn,
Và các địa Độc giác.*

Bồ-tát xa lìa các lĩnh vực như vậy, nên gọi là phi xứ tương ứng “Xa lìa xứ không lưu tâm đến lợi ích an lạc của tất cả hữu tình, trụ nơi quả là Niết-bàn Vô dư y”, là như Thanh-văn, Độc giác không đoái nhìn lợi ích an lạc của hữu tình, họ trụ trong cõi Niết-bàn Vô dư y, như lửa cháy củi, rốt ráo tịch diệt. Bồ-tát thì xa lìa các chỗ như vậy, Bát-nhã đại bi đầy đủ, có thể chánh an trụ Niết-bàn Vô trụ, do bỏ các xứ này, gọi là phi xứ tương ứng.

Luận nói: “Trí của Thanh-văn, Độc giác khác với trí của Bồ-tát chẳng? Phải biết do năm thứ tướng khác: 1. Do không phân biệt sai biệt, là không phân biệt đối với pháp của các uẩn... 2. Do phi thiếu phần sai biệt, là đối với thông đạt chân như nhập tất cả loại cảnh giới nơi đối tượng nhận biết, rộng vì độ thoát tất cả hữu tình không phải ít phần. 3. Do vô trụ sai biệt, là Niết-bàn Vô trụ làm chỗ trụ. 4. Do tất cánh sai biệt, là trong cõi Niết-bàn vô dư y không có đoạn tận. 5. Do Vô thượng sai biệt, là trên thừa này không có thừa nào hơn nữa. Trong đây có tụng:

*Các đại bi làm thể,
Do năm tướng thắng trí,
Trong thế xuất thế mãn,
Nói thừa này cao xa”.*

Giải thích: Trong đây chỉ rõ trí của Thanh-văn, Độc giác cùng với trí của Bồ-tát có năm tướng khác (sai biệt). “Không phân biệt sai biệt”, là trí của Thanh-văn, Độc giác ngay trên bốn diên đảo gọi là vô phân biệt, trí của các Bồ-tát thì đối với tất cả pháp cho đến Bồ-đề đều là vô phân biệt, không phải phần ít sai biệt. Không phải phần ít sai biệt lại có ba thứ: 1. Thông đạt chân như phi thiếu phần sai biệt, là Thanh-văn, Độc giác khi nhập chân quán thì chỉ có thể thông đạt lý Bồ-đặc-già-la không, vô ngã, các Bồ-tát khi nhập chân quán thì thông đạt đầy đủ lý

Bồ-đặc-già-la và hết thảy pháp không vô ngã. 2. Cảnh giới của đối tượng nhận thức không có phần ít sai biệt, là Thanh-văn, Độc giác chỉ có trí sinh trong khổ nơi bốn đế, thì gọi là chỗ làm đã đủ, các Bồ-tát thì rộng đối với tất cả cảnh giới đối tượng nhận thức mà trí vô đảo sinh mới gọi là tu tập chỗ làm đã đủ. 3. Chỗ hóa độ hữu tình không có phần ít sai biệt, là Thanh-văn, Độc giác chỉ cầu tự lợi, trí tận vô sinh, chánh cần tu hành; các Bồ-tát thì rộng vì tế độ tất cả các hữu tình mà cầu đại Bồ-đề. Đối với ba thứ không phần ít sai biệt này thì trí Thanh-văn và trí Bồ-tát có sai biệt. “Vô trụ sai biệt”, là Thanh-văn, Độc giác chỉ trụ Niết-bàn; các Bồ-tát thì có đủ lực tăng thượng của bi huệ, lấy Niết-bàn Vô trụ làm chỗ trụ. “Tất cánh sai biệt”, là hiển Thanh-văn, Độc giác cùng với các Bồ-tát trong Niết-bàn có sai biệt lớn, là Thanh-văn, Độc giác trụ trong Niết-bàn giới vô dư y, thân và trí vĩnh viễn hết sạch, như ngọn đèn đã tắt; các Bồ-tát khi được thành Phật thì chỗ chứng pháp thân cùng cõi sinh tử không có đoạn tận, như cõi Vô sắc tương tục không hoại, do trí sai biệt có sai biệt. “Vô thượng sai biệt”, là trên Thanh-văn thừa có Độc giác thừa, trên Độc giác thừa có Đại thừa, Bồ-tát thừa đó tức là Phật thừa, không có thừa nào trên nữa. Do năm tướng này phải biết trí của Thanh-văn, Độc giác cùng với trí của Bồ-tát có sai biệt, lại lấy kệ để gồm thâu các nghĩa như vậy. “Năm tướng”, tức là chỗ nói năm tướng sai biệt trên. “Trong thế, xuất thế mãn”, là các tính lự của cõi Vô sắc gọi là “Thế gian mãn”. Chỗ đắc Niết-bàn của Thanh-văn thừa và Độc giác thừa gọi là xuất thế mãn, nhưng thừa này thù thắng hơn, nên nói “Cao xa”.

Luận nói: “Nếu các Bồ-tát thành tựu như vậy, tăng thượng Thi-la, tăng thượng Chất-đa, tăng thượng Bát-nhã, công đức viên mãn, đối với các tài vị đều đắc đại tự tại. Tại sao hiện thấy có các hữu tình thiếu thốn tài vị? Vì thấy các hữu tình kia đối với tài vị có nghiệp chướng nặng, vì thấy hữu tình kia nếu thí tài vị thì chướng ngại việc sinh pháp thiện, vì thấy hữu tình kia nếu thiếu tài vị thì chán lìa hiện tiền, vì thấy hữu tình kia nếu thí tài vị thì liền tích tập nhân của pháp bất thiện, vì thấy hữu tình kia nếu thí tài vị thì liền khởi nhân tổn hại vô lượng hữu tình khác, nên hiện thấy có các hữu tình thiếu thốn tài vị (tiền của địa vị). Trong đây có tụng:

*Thấy nghiệp chướng hiện tiền,
 Vì tích tập tổn hại,
 Hiện có các hữu tình,
 Không cảm Bồ-tát thí”.*

Giải thích: Bây giờ sẽ hiển thị, do nhân duyên đó mà Bồ-tát tuy có tài vị tự tại nhưng không thí cho hữu tình kia, vì thấy họ có các tài vị có nghiệp chướng nặng” là các Bồ-tát thấy hữu tình kia đối với tài vị đó có nghiệp chướng nặng nên không thí cho, không làm cho huệ thí trống rỗng không có kết quả. Nếu có thí cho thì hữu tình kia cũng không nhận, nên cần gì phải thí. Như có tụng nói:

*Như sữa mẹ nuôi con, Một
tháng qua không mệt, Nếu
cổ họng nghẹt,
Thì sữa mẹ làm gì!*

“Vì thấy hữu tình kia nếu thí tài vị thì chướng ngại việc sinh pháp thiện”, là các Bồ-tát thấy hữu tình kia tuy đối với tài vị không có nghiệp chướng nặng, nhưng nếu họ được tài vị viên mãn thì liền sinh phóng dật không khởi pháp thiện, Bồ-tát khởi nghĩ như vậy: “Thà là họ hiện pháp ít khi bận tiện, chớ để đời sau nhiều bận tiện”, nên không thí chỗ có tài vị cho họ. “Vì thấy hữu tình kia nếu thiếu tài vị thì sợ chán lìa hiện tiền”, là các Bồ-tát thấy họ thiếu thốn tài vị thì tâm họ chán sinh tử liền hiện tiền, cầu muốn xuất ly. Nếu được phú quý thì liền sinh kiêu căng và phóng dật, nên không thí cho họ cả thấy tài vị, Bồ-tát nghĩ như vậy: “Thà là họ bận tiện mà tâm chán lìa sinh tử thường hiện tiền, chớ để cho họ phú quý thọ vui mà phóng dật, không chán sinh tử, không khởi pháp thiện”. “Vì thấy họ nếu thí tài vị thì liền tích tập nhân của pháp bất thiện”, là các Bồ-tát thấy họ nếu thí đầy đủ tài vị thì liền phóng dật, tích tập các thứ nghiệp ác bất thiện, nên không thí cho họ cả thấy tài vị. Như có tụng nói:

*Thà là nghèo túng nơi tài vị,
Xa lìa cõi ác và hành ác,
Chớ để phú quý loạn các căn,
Chiêu cảm khổ khi nơi tương lai.*

“Vì thấy hữu tình kia nếu thí tài vị thì họ liền khởi nhân tổn hại vô lượng hữu tình khác”, là các Bồ-tát thấy họ nếu được phú quý thì liền tổn não vô lượng hữu tình, mà không thí tài vị cho họ, khởi nghĩ như vậy: “Thà hữu tình kia một thân thọ khổ bận tiện, chớ khiến cho tổn não nhiều hữu tình khác”. Lại dùng kệ thâm tóm các nghĩa như vậy, nên nói thấy nghiệp chướng hiện tiền... Văn đó dễ hiểu không cần giải thích lại.

